

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 843/CDN-HCTH ngày 18 tháng 8 năm 2022; Văn bản số 1260/CDN-HCTH ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Văn bản số 187/CDN-HCTH ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai về việc chỉnh sửa nội dung báo cáo đề xuất Giấy phép môi trường của cơ sở "Cảng Đồng Nai, quy mô tiếp nhận tàu có trọng tải đến 5.000 DWT" tại phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 190/TTr-STNMT ngày 28 tháng 3 năm 2023 và Văn bản số 3516/STNMT-CCBVMT ngày 10 tháng 5 năm 2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Cảng Đồng Nai tại phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Cảng Đồng Nai

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 3600334112 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3600334112



1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cho thuê kho, bãi và lưu chứa hàng hoá.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Tổng diện tích khu đất sử dụng giai đoạn 1, giai đoạn 1 mở rộng và một phần giai đoạn 2A là 122.138,4 m<sup>2</sup>, (trong đó diện tích đất là 115.700 m<sup>2</sup> và diện tích mặt nước là 6.438,4 m<sup>2</sup>).

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ 4 cầu cảng (K1, K2, K2 mở rộng, K3) tiếp nhận tàu có trọng tải 5.000 DWT và Cầu cảng K4 nối sà lan 3.000 DWT

+ Kho chứa + bãi tổng và các công trình phụ trợ diện tích 115.700 m<sup>2</sup>

+ Hàng hóa qua cảng lớn nhất: Hàng tổng hợp 373.000 tấn/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 12 tháng 5 năm 2023 đến ngày tháng năm 2033).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

*Nơi nhận:*

- Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Biên Hòa;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi



## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 55/GPMT-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh của cảng
- Nguồn số 02: Nước dồn tàu

##### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

###### 2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sau xử lý được xả ra sông Đồng Nai qua cửa xả; Vị trí xả thải: Cửa xả sau hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ: X = 1.205.667; Y = 400.443. (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $107^045$ , mũi chiếu  $3^0$ ).

- Nguồn số 02: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý, không xả thải ra môi trường.

###### 2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10 m<sup>3</sup>/ngày.

###### 2.2.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

###### 2.2.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ

2.2.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K<sub>q</sub> = 1,2; K<sub>f</sub> = 1,2, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6 - 9	Không
2	Độ màu	mg/l	72	
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	43,2	
4	COD	mg/l	108	
5	TSS	mg/l	72	
6	P <sub>tổng</sub>	mg/l	5,76	
7	N <sub>tổng</sub>	mg/l	28,8	
8	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/l	7,2	
9	Coliforms	MNP/100ml	3.000	

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

## **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ nhà vệ sinh trong khu vực văn phòng được thu gom và dẫn về xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sau khi được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế  $10\text{ m}^3/\text{ngày}$ .

- Cảng Long Bình Tân đã lắp 05 bể tự hoại với tổng thể tích là  $28,5\text{ m}^3$  (bao gồm: 01 bể tại khu vực văn phòng thể tích  $5,5\text{ m}^3$ ; 01 bể tại khu Dịch vụ Cảng thể tích  $5,5\text{ m}^3$ ; 01 bể tại văn phòng trạm kiểm soát thể tích  $5,5\text{ m}^3$ ; 01 bể tại Nhà điều độ cầu K1 thể tích  $5,5\text{ m}^3$ ; 01 bể tại khu vực kho  $5.000\text{ m}^2$  thể tích  $6,5\text{ m}^3$ ).

- Nước thải sinh hoạt của Công ty Cổ phần Logistics Hoá Chất Xanh tại kho số 4 sử dụng nhà vệ sinh lưu động và Công ty TNHH Phát Thiên Phú tại kho số 3 sử dụng nhà vệ sinh sau đó giao cho đơn vị có chức năng thu gom (Hợp đồng số 151-2022/HĐKT/GDES-CĐN ngày 05/11/2022 về việc thu gom xử lý nước thải sinh hoạt). Công ty CP Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh VT GAS có hệ thống xử lý nước thải riêng, không đấu nối chung với Cảng. Còn các đơn vị thuê còn lại sẽ sử dụng chung nhà vệ sinh với Cảng Đồng Nai.

- Nước thải sản xuất phát sinh chủ yếu: nước dàn tàu lẩn cặn dầu, nước giải nhiệt từ tàu thuyền (nước giải nhiệt sẽ được tuần hoàn). Toàn bộ nước thải được Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai giao cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi đơn vị có chức năng thu gom, xử lý (Hợp đồng nguyên tắc về việc vệ sinh thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải không nguy hại số 104-2022/HĐNT.XLCT).

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

#### **1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt**

- Tóm tắt quy trình: Nước thải sinh hoạt → Bể gom kết hợp điều hoà → Bể hiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí vật liệu đệm (FBR) → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận sông Đồng Nai.

- Công suất thiết kế:  $10\text{ m}^3/\text{ngày}$ .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorin ( $10\text{kg/năm}$ )

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

#### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được đưa về bể thu gom để lưu chứa trong thời gian khắc phục sự cố. Đối với trường hợp

hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, tạm ngưng sản xuất để khắc phục sự cố.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:** Công ty được UBND tỉnh cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 4732/GP-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2017, Công ty không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu về bảo vệ môi trường như: Quy chuẩn nước thải công nghiệp - QCVN 40:2011/BTNMT, cột A,  $K_q = 1,2$ ;  $K_f = 1,2$ ; nước thải sau xử lý được xả thải ra sông Đồng Nai

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.4. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật.

3.5. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.7. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xả thải ra môi trường.



## Phụ lục 2

# YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 55/GPMT-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán bụi.



### Phụ lục 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 55/GPMT-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Từ khu vực cảng cảng xuất/nhập hàng.
- Không phát sinh độ rung

#### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 1: Tọa độ: X = 1.205.420; Y = 400.386

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ , mũi chiếu  $3^{\circ}$ )

3. Tiếng ồn phát sinh phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất. Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời các phương tiện giao thông phục vụ cơ sở; kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho các phương tiện giao thông.

#### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



**Phụ lục 4**

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỦNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 55/GPMT-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Số thứ tự	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bao bì bằng kim loại nhiễm dầu nhớt	18 01 02	Rắn	16	KS
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	5	NH
3	Các loại nhiên liệu thải khác (bao gồm cả hỗn hợp)	17 06 03	Lỏng	125	NH
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp	17 02 03	Lỏng	109	NH
5	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	Lỏng	47	NH
6	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	Lỏng	156	NH
7	Giẻ lau dầu nhiễm dầu	18 02 01	Rắn	94	KS
8	Ác quy chì thải	19 06 01	Rắn	156	NH
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	11	KS
<b>Tổng khối lượng</b>				<b>730</b>	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Số thứ tự	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Giấy văn phòng, thùng carton, bao bì,...	18 01 05	Rắn	1.290	TT-R
2	Bùn thải từ bể tự hoại	12 06 13	Bùn	2.650	TT
3	Hộp chứa mực in (không có các thành phần nguy hại như mực in văn phòng, sách báo...) thải	08 02 08	Rắn	4	TT-R
4	Nước thải dàn tàu, nước giải nhiệt từ tàu thuyền	-	Lỏng	200.000	-
<b>Tổng khối lượng</b>				<b>203.944</b>	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	30.928
2	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	14.000
	<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>	<b>44.928</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 15 m<sup>2</sup> (Kích thước container: D x R x C = 06 m x 2,5 m x 2,5 m).

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Sử dụng container chứa hàng 20 feet, có kích thước D x R x C = 06 m x 2,5 m x 2,5 m, có mái che, chống thấm, có dấu hiệu cảnh báo, dán mã chất thải nguy hại.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng, phuy.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 14,64 m<sup>2</sup> (Kích thước container: D x R x C = 06 m x 2,44 m x 2,59 m)

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Sử dụng container chứa hàng 20 feet, có kích thước D x R x C = 06 m x 2,44 m x 2,59 m.

**2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 60 lít và 120 lít đặt tại các khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc của cảng và các đơn vị thuê kho bãi (không bố trí khu vực lưu giữ tập trung).

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỦNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.



## Phụ lục 5

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 55/GPMT-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

#### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Công ty tiếp tục thực hiện các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp cho dự án “Cảng Đồng Nai tại phường Long Bình Tân, quy mô tiếp nhận tàu có trọng tải đến 5.000 DWT” tại phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.

#### D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hoá chất và các quy định hiện hành khác có liên quan đến hoá chất.

6. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.